

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 17

Phẩm 8: BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG (Phần 4)

Lúc ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật:

–Thế Tôn! Hành xứ của Phật là không thể nghĩ bàn, pháp Bồ-tát nên hành cũng vô lượng. Vì vậy hạnh ấy không thể trang nghiêm bằng nguyện nhỏ, không thể nói đơn giản, không thể thành tựu bằng đạo Tiểu thừa. Hay thay thế Tôn! Xin giảng rõ thế nguyện và đạo hạnh trang nghiêm của Bồ-tát. Với nguyện, đạo trang nghiêm lớn Bồ-tát hành pháp Đại thừa, tu đạo xuất thế gian chân thật tối thượng, đạt Đại thừa xuất thế vô thượng, thành tựu trí Nhất thiết tự nhiên, tuy chưa đạt trí Nhất thiết nhưng vẫn làm việc Phật, tạo lợi ích cho mọi loài.

Phật nói:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng giải.

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh hội.

Phật nói:

–Thiện nam! Bồ-tát phát tâm Bồ-đề vô thượng, phát đại Bi tối thắng với tất cả chúng sinh, tạo lợi ích cho mọi loài, trang nghiêm thế nguyện lớn, nghĩa là độ những ai chưa được độ, chèo thuyền Bát-nhã; giải thoát chúng sinh chưa giải thoát, trừ đảo hư vọng, an ổn người chưa an, đưa đến đạo không sợ; giúp kẻ chưa đạt Niết-bàn đạt được, bỏ gánh nặng năm ấm; cung cấp cho chúng sinh, siêng năng không lười biếng; không bỏ sinh tử, không mỗi mội; làm vui lòng chư Phật, cung kính cúng dường; thọ trì tất cả pháp Phật, không đoan hạt giống Tam bảo; nhớ kỹ pháp đã nghe, đạt Đà-la-ni, khéo giảng pháp làm vui chúng sinh, đạt biện tài; tích tập vô lượng công đức, thành tựu tướng tốt; làm vui lòng Thiện tri thức, kiên định hạnh nguyện; ngừa tâm tán loạn, đạt thiền định Tam-muội giải thoát; bỏ thân mạng nơi nhân tịnh, đạt sáu Thông; gầm tiếng sư tử, không kinh sợ, đạt pháp vô ngã hiện tiền; thành tựu sức thọ trì, thanh tịnh giới cấm; cầu đạt mười Lực của Như Lai, trọn vẹn các Ba-la-mật; cầu chứng bốn pháp Vô úy, hành đúng

pháp; trọn vẹn mười tám pháp Bất cộng, không hý luận với pháp Bồ-tát.

Thiện nam! Đó là hai mươi hạnh trang nghiêm, với sức trang nghiêm ngồi xe lớn; đoạn nhân ba cõi ác, được chư Phật gia hộ, tùy ý thọ sinh; không sinh bằng thai mà hóa sinh nơi Phật; thân, khẩu, ý không tranh chấp; an trụ hạnh nơi không phóng túng, được người đời cung kính; thông đạt ba môn giải thoát, không chứng vị; hiển pháp vô ngã, không bỏ thệ nguyện. Đó là Bồ-tát thành tựu thệ trang nghiêm. Thế nào là trang nghiêm thừa Bồ-tát? Thiện nam! Thừa là vô lượng, không biên giới, cùng khắp như hư không, rộng lớn dung nạp tất cả chúng sinh, không cùng hạnh Thanh văn, Bích-chi-phật là Đại thừa. Thừa: Dùng bốn Nhiếp pháp làm bánh xe, mười nghiệp thiện làm cãm xe, công đức thanh tịnh là bầu xe, kiên cố thuần định là chốt đinh, thiền định Tam-muội giải thoát là càng xe, điều phục bằng bốn Tâm vô lượng, Thiện tri thức là người đánh xe, biết thời phi thời là sự khởi động, vô thường, khổ, không, vô ngã là sự điều khiển, bảy Giác phần là dây thắng, năm Căn thanh tịnh là dây kéo, đại Bi rộng lớn là lèo cờ, bốn Chánh cần là vành bánh xe, bốn Niệm xứ là sự thông thả, bốn Thần túc là sự lướt nhanh, năm Lực là sự giám sát, tám Chánh đạo là sự thẳng tiến, trí tuệ không chướng ngại đối với tất cả chúng sinh là mui xe. Từ sáu pháp Ba-la-mật không trụ hướng đến trí Nhất thiết chủng, đạt bờ giải thoát bằng bốn Đế không gì sánh. Đó là Đại thừa. Thừa này là sự thọ nhận của Phật, là sự quán sát của Thanh văn, Bích-chi-phật, là sự nương đi của Bồ-tát, Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế đều cùng kính lạy, tất cả chúng sinh đều cúng dường, bậc trí khen ngợi, thế gian hưởng về, oán thù không hủy phạm, quân ma không hại được, ngoại đạo không lường được, trí thế gian không sánh được, thừa này thù thắng không ai ngăn chận, được Hiền thánh bảo vệ, tùy nguyện đến cõi Phật, phóng ánh sáng soi khắp, tối tôn, xuất sinh các pháp, mạnh mẽ không lui, kiên cố không lười biếng, đứng vững trọn vẹn nơi mọi việc, thỏa mãn mọi ý nguyện. Đó là Đại thừa trang nghiêm. Bồ-tát tu thừa này sẽ đạt từng địa một, trừ hoạn nạn của các địa, bỏ nghiệp ma, hóa độ chúng sinh, làm tịnh cõi Phật, hiện thân thông biến hóa của Bồ-tát, trừ đói khát sinh tử, nhập hành xứ Như Lai.

Thiện nam! Thế nào là đạo trang nghiêm của Bồ-tát? Thiện nam! Bồ-tát trang nghiêm thệ nguyện, nương vào Đại thừa, trừ tà đạo, tu đạo chân chánh đạt trí Nhất thiết chủng. Chánh đạo là không bỏ pháp lành

nên luôn mong mỏi; không thoái chuyển đạo Bồ-đề, siêng năng tu tập; không mất căn lành, không phóng túng; thuần tịnh, kiên định, không bỏ mọi việc; ngưỡng pháp tối thắng; luôn luôn cầu công đức; siêng học trí sáng không bỏ dỡ.

Thiện nam! Đạo của Bồ-tát là bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn định không, năm Thần thông, ba Phước nghiệp, ba Học, sáu Hòa kính, sáu Niệm, bốn Nhiếp pháp, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, ba môn Giải thoát, biết phương tiện ấm, giới, nhập, đế, nhân duyên. Thành tựu đạo đó, Bồ-tát tùy thuận nhập sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể hành, được chư Phật khen ngợi, từ kim khẩu Phật. Bồ-tát biết thật tánh của các pháp, an trụ nơi sáu pháp Ba-la-mật xuất thế gian. Thế nào là an trụ? Thiện nam! Bồ-tát thành tựu trí tuệ phương tiện cầu đạo Bồ-đề; thật biết về năm thọ ấm; biết sắc vô thường nhưng hành bố thí; biết sắc khổ, vô ngã, chậm lụt, không trí, như huyễn, như trăng dưới nước, như mộng, như bóng, như tiếng vọng, không nhân, không chủ thể, không nuôi dưỡng, không, không tướng, không nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, không xuất, không hình, tịch tĩnh, xa lìa, không kết thúc, không thành, như hư không nên nguyện không, nguyện không nên sắc thí không; sắc thí nguyện không nên Bồ-đề không, Bồ-đề không nên sắc thí nguyện không; biết rõ các pháp cùng tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Thí ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát. Thọ, tưởng, hành cũng thế. Bồ-tát biết thức vô thường, vô ngã, khổ, độn, không trí, như huyễn, như dợn nắng, như trăng dưới nước, như mộng, như tiếng vọng, như vòng lửa, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nhân, không chủ thể, không nuôi dưỡng, Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, không xuất, không hình, tịch tĩnh, xa lìa, không kết thúc, không thành tựu, như hư không, như tánh Niết-bàn nên hành bố thí. Lúc Bồ-tát bố thí, vì thí không nên biết thức không, thức không nên thí không; thức thí nguyện không nên Bồ-đề không, Bồ-đề không nên thức thí nguyện không.

Thiện nam! Đó là Thí Ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát.

Thiện nam! Bồ-tát biết sắc vô thường nên hộ trì giới, biết sắc như tánh Niết-bàn nên hộ trì giới. Thọ, tưởng, hành cũng vậy. Bồ-tát biết thức vô thường, cho đến biết thức như tánh Niết-bàn nên giữ giới, biết giới không nên thức không... tất cả pháp cùng tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Giới ba-la-mật xuất thế của Bồ-tát. Nhẫn, Tinh

tấn, Thiền ba-la-mật cũng thế. Bồ-tát biết sắc vô thường nên hành trí tuệ cho đến biết sắc như tánh Niết-bàn nên hành trí tuệ, biết thọ, tưởng, hành vô thường cho đến biết thức như tánh Niết-bàn nên hành trí tuệ. Vì trí tuệ bình đẳng nên biết thức bình đẳng; thức bình đẳng nên tuệ bình đẳng; tuệ thức bình đẳng nên nguyện bình đẳng; nguyện bình đẳng nên tuệ thức bình đẳng; tuệ thức nguyện bình đẳng nên Bồ-đề bình đẳng; Bồ-đề bình đẳng nên tuệ thức nguyện bình đẳng; tất cả pháp đều là tánh Bồ-đề.

Thiện nam! Đó là Bát-nhã ba-la-mật xuất thế của Bồ-tát. Ấy là đạo Ba-la-mật xuất thế gian của Bồ-tát. Đạo đó bao hàm tất cả đạo. Vì sao là xuất thế gian? Thiện nam! Năm thọ ấm là thế gian. Bồ-tát khéo phân biệt năm ấm, quán năm ấm là vô thường như tánh Niết-bàn, biết trong đạo đó không có pháp thế gian, xuất thế gian, biết đạo đó là vô lậu, là xuất thế gian, không ràng buộc.

Thiện nam! Đó là đạo của Bồ-tát. Đạo: Cầu tất cả pháp như thật, phân biệt lựa chọn không thấy pháp, các pháp đó liên tục, không hai, không sai khác. Đạo đó không yêu ghét là bình đẳng; không tư duy quán sát là rộng lớn; không quanh co là ngay thẳng; không khúc hiểm là không gian dối; trừ các cái là không hệ thuộc; không dục, sân, hại, giác là không bụi nhơ; không tham sắc thanh hương vị xú là an lạc; trừ việc ma là thanh lương; không phiền não oán giận là không sợ; đạt Niết-bàn là giải thoát; thành tựu định là nước mát; khéo hiểu biết là luôn sáng suốt; tu Từ là thuốc hay; không bỏ đại Bi là siêng năng không chán; thường vui là sung sướng; thành tựu pháp Xả là không lỗi lầm; tùy thuận nhiếp pháp là giàu có; thành tựu sức Ba-la-mật, bố thí thức ăn; đạt trí Nhất thiết chủng; được Phật gia hộ là trừ bốn ma; không bỏ nguyện xưa là siêng năng không trở ngại; vượt dòng phiền não là không ai hơn; thế gian không thể khuất phục là không đối trị.

Thiện nam! Đạo này thành tựu vô lượng công đức như thế. Tất cả các Hiền sĩ đều tu đạo ấy nên qua lại giáo hóa mọi loài; không phiền não nhưng hiện vào phiền não; quán sinh tử nhưng không chứng vị; đạt Không, Vô nguyện, Vô tướng; nhưng giáo hóa chúng sinh chấp kiến, tướng, nguyện, thị hiện nhập Niết-bàn của Thanh văn, Bích-chi-phật nhưng không bỏ sinh tử; vào các cõi nhưng kiên định pháp; giảng thuyết nhưng an định trong không ngôn ngữ; hiện mọi việc Phật, không bỏ hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Đó là thệ nguyện, Đại thừa, đạo trang nghiêm của

Bồ-tát. Bồ-tát tự trang nghiêm bằng thế nguyện, tu pháp Đại thừa, thuộc đạo xuất thế, chưa đạt Nhất thiết chủng trí nhưng hiện mọi việc Phật để độ sinh.

Lúc đó, từ trong pháp hội Bồ-tát Bảo Đức hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Ông đã tu chánh đạo xuất thế này chưa?

–Đã tu! thế nào là tu?

–Như đạt đạo thanh tịnh.

–Thế nào là đạo thanh tịnh?

–Thiện nam! Ngã tịnh nên đạo tịnh.

–Thế nào là ngã tịnh?

–Như thế tịnh.

–Thế nào là thế tịnh?

–Sắc ở quá khứ tịnh. Vì sao? Vì sắc không đến từ quá khứ. Sắc vị lai cũng tịnh. Vì sao? Vì sắc không đi về vị lai. Sắc hiện tại tịnh. Vì sao? Vì sắc hiện tại không dừng.

Thiện nam! Đó là thế tịnh. Thọ tưởng hành thức quá khứ tịnh. Vì sao? Vì thức quá khứ không đến; thức vị lai tịnh. Vì sao? Vì thức vị lai không đi, thức hiện tại tịnh. Vì sao? Thức hiện tại không dừng.

Thiện nam! Đó là thế tịnh. Vì thế tịnh nên ngã tịnh, ngã tịnh nên đạo tịnh.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Làm sao để đạo tịnh?

–Tạo ánh sáng trí tuệ. Với sức của trí sáng, biết rõ các pháp quá khứ, vị lai.

–Thế nào là pháp quá khứ, vị lai?

–Các pháp ở quá khứ không sinh, ở vị lai không diệt. Đó là thấy quá khứ vị lai.

–Thế nào là thấy quá khứ, vị lai?

–Trừ hai chấp.

–Thế nào là trừ hai chấp?

–Trừ đoạn thường. Thiện nam! Thấy pháp sinh và chấp pháp là chấp đoạn thường. Vì sao? Vì có sinh là có diệt. Có sinh diệt là chấp đoạn thường. Không thấy pháp sinh từ tự tánh tha tánh là thấy nhân duyên; thấy nhân duyên là thấy pháp; thấy pháp là thấy Như Lai, thấy Như Lai là thấy như như; thấy như như là không chấp thường đoạn;

không đoạn thường là không sinh diệt.

Bồ-tát Bảo Đức lại hỏi:

–Thiện nam! Nếu không sinh diệt làm sao có danh số?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Giả ngôn thuyết nên gọi là pháp.

Thiện nam! Như trong hư không có các sắc khác nhau: Xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê, lưu ly, thô, tế, dài, ngắn, vuông, tròn. Hư không không nhiễm các pháp đó. Tự tánh của các sắc là không. Các pháp cũng vậy, đồng tánh với hư không, chỉ giả đặt nên có danh số, tức những thứ gọi là pháp lành, pháp ác, thế gian, xuất thế gian, nên làm, không nên làm, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Bồ-tát không làm việc trái đạo. Mọi việc phước đức đều là giả, không phải thật, không kiên cố. Bồ-tát biết tất cả hạnh không phải hạnh, bình đẳng, không tướng, thành tựu sức Bát-nhã ba-la-mật, hồi hướng Bồ-đề trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì không mong cầu nên Bồ-tát an trụ trong giới thanh tịnh, tu giải thoát vô nguyện, viên mãn các nguyện, biết tánh sinh tử là tánh Niết-bàn, tuy nhập Niết-bàn nhưng hành hạnh Bồ-tát để trừ vọng tưởng điên đảo của chúng sinh, không thấy pháp nào có thể hành.

Thiện nam! Đó là Bồ-tát nhập Niết-bàn hành hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Mọi sự tạo tác đều là sinh tử, không tạo tác là Niết-bàn mà hành hạnh Bồ-tát.

Thiện nam! Tham chấp, hư vọng, chấp tướng, tranh cãi là sinh tử. Niết-bàn không có các tướng ấy. Bồ-tát không: Tham chấp, hư dối, tranh cãi, chấp tướng, hành hạnh Bồ-tát là Bồ-tát nhập Niết-bàn mà hạnh Bồ-tát.

Lúc nêu giảng pháp này, có năm trăm Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi ấy Đức Phật khen Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hay thay, hay thay! Hiền sĩ, khéo giảng nói tánh pháp hợp hạnh Bồ-tát chân thật không khác.

Hư Không Tạng thưa Phật:

–Thế Tôn! Đó là công của Như Lai. Vì sao? Vì nhờ tuệ trí sáng của Như Lai nên con có biện tài ấy. Thế Tôn! Như mặt trời chiếu sáng cõi Diêm-phù-đề. Nhờ sức oai đức của mặt trời nên người sáng mắt thấy mọi hình sắc, làm mọi việc. Sức trí sáng của Như Lai soi rọi chúng sinh và cõi nước cũng vậy. Thật tánh của các pháp là không thể nói năng. Tánh của ngôn ngữ như hư không. Vì thế tánh các pháp không

thể đếm. Nếu đếm được sẽ có giới hạn, là hữu vi, có thể biết, đoan, tu, có chứng đạt. Con tư duy, quán sát phân biệt, không thấy pháp nào có thể biết, đoan, tu chứng nên không đạt. Vì sao? Vì các pháp không sinh. Thấy các pháp như vậy, không nhiễm chấp pháp, không tham chấp, không gằn gūi, không giữ lấy. Nghĩa là sắc dù thường, vô thường vẫn không lấy giữ; thọ tướng hành thức dù là thường, vô thường vẫn không giữ lấy. Sắc khổ, vui, có ngã, không ngã, sạch, nhơ vẫn không giữ lấy. Sắc là không, không không vẫn không lấy giữ. Thọ tướng hành thức cũng vậy; sắc là lia, không lia, vẫn không giữ lấy. Thọ tướng hành thức cũng thế. Vì không giữ lấy, Bồ-tát đạt Tam-muội Vô thọ, được Phật thọ ký bằng tâm thông vô thượng. Bồ-tát tuy nhập Niết-bàn, biết tánh chúng sinh là Niết-bàn nhưng không bỏ thế nguyện và đại Bi để hóa độ muôn loài. Thế nào là Bồ-tát nhập Niết-bàn hành hạnh Bồ-tát? Thiện nam! Mọi tạo tác là sinh tử, không tạo tác là Niết-bàn. Với trí chân chánh, Bồ-tát biết các hành không tướng, với mắt sáng Bồ-tát hiểu rõ và giảng về trí sáng của Phật.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Cớ sao ông lại ẩn giấu trí mình cho là nhờ oai lực của Như Lai?

–Thiện nam! Như Lai lẽ nào đã không dạy là giấu lành, hiển ác sao?

–Thiện nam!

Tôi xin hỏi, ông tùy ý trả lời:

–Thiện nam! Ông nghĩ sao: Nếu không có Rồng, chúa A-na bà-đạt-đa thì ao A-nậu có chảy thành bốn sông để chúng sinh dùng nước không?

Bồ-tát Bảo Đức đáp:

–Không, thiện nam! Nếu không có Như Lai sẽ không có luật pháp, Bồ-tát không làm sao đạt được biển trí lớn, không thể đem lại lợi ích cho mọi loài. Như Lai ra đời nên có luật, pháp, Bồ-tát thành tựu biển trí, độ sinh, vì vậy mọi khả năng biện luận, lợi sinh của Bồ-tát đều là nhờ oai lực của Như Lai.

Bảo Đức lại hỏi:

–Thiện nam! Khả năng biện tài của chư Phật có chuyển đến tâm Bồ-tát không?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Vì sao lại nói nhờ oai lực của Như Lai nên đạt được biện tài?

Thiện nam! Ví như khéo trồng cây trái, nhờ nhân duyên hòa hợp nên có ăn trái. Song cây không phải là trái, trái không rời cây.

Thiện nam! Như Lai giảng pháp. Bồ-tát tùy thuận hành pháp, đạt biện tài trí sáng. Nhờ Phật dạy mà đạt chứ không phải là chuyển.

Bồ-tát Bảo Đức thưa:

–Hy hữu thay! Thiện nam! Pháp nhân duyên sinh thật là sâu xa khó lường.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Tất cả các pháp vốn không sinh.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Các pháp do duyên sinh.

Hư Không Tạng nói:

–Sinh thì đã sinh, chưa sinh lại sinh.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Sinh rồi không sinh, chưa sinh cũng không sinh.

Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Trong duyên có nhân?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Trong nhân có duyên?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Nhân duyên có tánh?

Đáp:

–Không.

Hỏi:

–Các pháp không do nhân duyên sinh?

Đáp:

–Không.

Thiện nam! Vì thế tất cả pháp không có tự tánh, không sinh khởi,

không xuất. Vì duyên không sinh nhân, nhân không sinh duyên, tự tánh không sinh tự tánh, tha tánh không sinh tha tánh; tự tánh không sinh tha tánh, tha tánh không sinh tự tánh, vì thế tự tánh của các pháp không sinh. Vì sao? Vì như như, không sinh diệt, tánh của pháp thật không sinh diệt, cũng như vậy, các pháp Như Lai giác ngộ cũng không sinh diệt.

Bồ-tát Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Như Lai cũng không ra đời?

Hư Không Tạng đáp:

–Không nên nói. Vì sao? Với Như Lai, tất cả pháp đều không thể nói, không thể nói là xuất, không xuất. Người nào hỏi Như Lai ra đời hay không ra đời, bậc trí cho là hủy báng Như Lai, nên an trụ không cần đáp.

Hỏi:

–Thế nào là an trụ?

Đáp:

–An trụ như tánh hư không, trụ nơi không trụ. Tánh pháp cũng trụ như vậy. Tánh chúng sinh cũng thế. Tất cả các pháp đều vậy, Như Lai an trụ như thế, trụ nơi không trụ. Vì không nơi trụ nên không trụ, không không trụ. Vì vậy không thể nói là sinh, là diệt.

Bảo Đức nói:

–Thiện nam! Việc ra đời của Như Lai rất là sâu xa.

Hư Không Tạng nói:

–Thiện nam! Hiểu rõ pháp duyên sinh là sự ra đời của Phật.

Bảo Đức hỏi:

–Thiện nam! Ai hiểu lời này?

Đáp:

–Người không thấy pháp thêm bớt.

Hỏi:

–Thế nào là tăng thêm?

Đáp:

–Tăng là tăng thượng, nghĩa là trong không thấy có tăng lên. Không tăng lên là bình đẳng, không sinh, không văn tự, không câu nghĩa, không dạy. Trong không dạy không có tăng lên, không tâm ý thức nên không câu nghĩa. Ví như chim bay trong không, không có dấu vết, trong không có lại nói dấu chim. Nơi các pháp không có văn tự. Nơi không cú nghĩa giả gọi là cú nghĩa. Như không dấu vết giả gọi là

dấu vết. Như Lai ra đời cũng không có sự ra đời, nhưng giả gọi là ra đời. Vì thế bậc trí không nên chấp trước. Vì không chấp trước nên giả gọi là ra đời, nhưng luôn sống trong không ra đời. Vì sao? Vì không sinh là thật tánh của các pháp. Không sinh thì không sở hữu, vì thế, nếu nói tánh của các pháp là không sở hữu. Tánh không sở hữu không có nơi dừng, không dừng trụ. Các pháp không dừng là thực tế, thật tế là các pháp. Vì vậy có câu: Các pháp bình đẳng với thật tế. Thực tế là ba sự phân đoạn: Không thể hoại, không thường đoạn, như thật. Ba đời bình đẳng. Các pháp bình đẳng với thời gian. Vì sao? Vì thật tế và ngã không hai, không khác biệt, thật tế và chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục cõi người là không hai, không khác biệt. Thật tế và chấp ngã không hai, không khác. Trong chấp ngã không có thật tế. Thấy biết như vậy thì không có hai mươi thứ chấp ngã. Vì sao? Vì trong thật tế không có một nhiều, thật tế bình đẳng như nhau, không đến đi đoạn diệt, rốt ráo không, vì thế nếu nói các pháp không cùng tận. Niết-bàn không cùng tận. Nghĩa là không nên không tánh, Niết-bàn không tận không không tận, các pháp cũng vậy. Vì vậy có câu: Niết-bàn và các pháp bình đẳng. Các pháp không bình đẳng không không bình đẳng, không có sự so sánh, các pháp cũng vậy. Vì thấy có sự so sánh nên thấy có Niết-bàn, và cầu đạt Niết-bàn nên trái với Hiền thánh. Thấy có Niết-bàn nên cần đoạn, cần biết, cần chứng, cần tu, cần sinh, cần diệt. Nếu không đủ các hạnh ấy sẽ không thật biết, không hiểu, không hay. Vì không hiểu biết, thấy, hay các pháp, nên chấp nơi văn tự, tranh chấp các pháp, thật đáng thương. Vì sao? Vì Như Lai dạy: Pháp Sa-môn không nên tranh chấp.

Lúc này, Đại đức Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Biện tài của hiền sĩ này thật là sâu xa khó lường khó hiểu, không thọ học các pháp ở người khác, tự thân chứng đạt nên nói như thế.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói với A-nan:

–Đại đức! Tôi tự thân chứng biết nên nói như vậy. Vì sao? Vì thân tôi là hư không, từ hư không chứng biết các pháp, ấn định các pháp. Đại đức A-nan! Các Bồ-tát tu thân, khéo hiểu tướng thân, làm mọi việc Phật, hiện vô số sắc thân, không thoái chuyển Pháp thân, không rời thân tạo nghiệp, không vượt tánh bình đẳng, tự tại hiện thân biến hóa, thị hiện trong tất cả cõi Phật, không ẩn thân Ứng hóa. Các hạnh đó đều là hạnh thân chứng.

Tôn giả A-nan hỏi:

–Thiện nam! Ông ở nơi pháp từng có chứng đắc?

–Đại đức A-nan! Tôi không thấy pháp lìa nơi thân, thân lìa nơi pháp.

–Thiện nam! Nếu ông tự chứng thì ông đạt quả A-la-hán?

Đáp:

–Đại đức! Không đạt, không chứng, không gì đạt, không phiền não trong các pháp, trừ tham, sân, si là A-la-hán.

A-nan hỏi:

–Thiện nam! Lúc nào ông Niết-bàn?

Đáp:

–Đại đức! A-la-hán không Niết-bàn, biết các pháp là Niết-bàn, không có tướng Niết-bàn, kẻ ngu mới phân biệt tranh cãi. Cho đây là sinh tử, đây là Niết-bàn. A-la-hán không tranh cãi như vậy.

Tôn giả A-nan nói:

–Thiện nam! Theo sự hiểu biết của tôi thì ý ông là Bồ-tát không nên nói là phàm phu, là học, không học, trừ hai tướng.

–Đại đức! Hay thay, hay thay! Vì không phải là phàm phu, học, không học nên có thể hiện hữu mọi nơi, không chấp trước.

Lúc ấy, năm trăm đại Thanh văn cúng y Uất-đa-la-tăng của mình lên Bồ-tát Hư Không Tạng, đồng thanh thưa:

–Chúng sinh nào khởi tâm sâu xa phát tâm Bồ-đề vô thượng thì mau đạt lợi lớn, sống trong pháp tạng của trí lớn. Khi đó y dâng lên không hiện.

Các Thanh văn hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Y đâu rồi?

Đáp:

–Vào trong tạng của ta. Như Lai biết rõ, các ông hãy hỏi.

Các Thanh văn bạch Phật:

–Thế Tôn! Y đâu rồi?

Phật nói:

–Cách đây vô lượng a-tăng-kỳ cõi Phật về phương Đông có cõi Ca-sa tràng. Phật nơi cõi ấy hiệu Sơn Vương Như Lai. Bồ-tát Hư Không Tạng đã đưa số y đến cõi đó.

Các Thanh văn thưa:

–Thế Tôn! Vì sao lại đưa số y đến đấy?

Phật nói:

–Vì muốn số y này làm việc Phật ở cõi đó. Bồ-tát Hư Không Tạng ở đây thuyết giảng Tam-muội Hư không. Tam-muội này ở trong y phục ấy sẽ phát ra tiếng pháp. A-tăng-kỳ Bồ-tát ở cõi đó nghe tiếng pháp đều đạt pháp Nhẫn vô sinh. Các ông nên biết! Bồ-tát luôn làm mọi cách để tạo lợi ích lớn cho chúng sinh.

Lúc nêu giảng pháp này, trong hư không rải vô lượng hoa sắc vàng, ngập cả giảng đường Diệu bảo trang nghiêm, trong hoa vang ra tiếng pháp. Chúng sinh nào tin lời của Bồ-tát Hư Không Tạng, tùy thuận, tư duy phân biệt nghĩa đó đều được ấn định không thoái chuyển, nhất định sẽ đến đạo tràng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn! Đó là điềm lành gì?

Phật nói:

–Phạm thiên Quang Minh Trang Nghiêm và sáu mươi tám trăm ngàn Thiên chúng định đến đây.

Vừa dứt lời, Phạm thiên và phạm chúng đã xuất hiện ở giảng đường Diệu bảo trang nghiêm. Họ lạy Phật, đi quanh bảy vòng, đứng qua một bên, chấp tay hướng về Phật, thưa:

–Hy hữu thay! Thế Tôn! Bồ-tát Hư Không Tạng thật không thể nghĩ bàn, thanh tịnh giới, tu tập định, đủ trí lớn, đạt thần thông biến hóa, trọn vẹn thế nguyện, thành tựu phương tiện quyền biến, trang nghiêm thân, khẩu, ý, tự tại trong các pháp. Bồ-tát không tạo nghiệp thân, khẩu, ý, không phân biệt nghĩ nhớ, nhưng lại hiện thân biến không thể nghĩ bàn, vô lượng trăm ngàn pháp môn, xuất nhập trăm ngàn Tam-muội, từ xưa đến nay luôn tu pháp lành. Thế Tôn! Bồ-tát cần biết rõ nhân tu từ xưa, không chán nản với pháp lành. Vì sao? Vì đây là quả báo của nhân lành xưa. Nhờ đó hiện thần thông không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Phạm thiên:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói, Bồ-tát thành tựu căn lành và trí phương tiện giải thoát, hiện công đức không thể nghĩ bàn, không nghĩ nhớ phân biệt, nhưng không gì là không phân biệt.

Phạm thiên bạch Phật:

–Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu tư lương căn lành và trí phương tiện giải thoát?

Phật nói:

–Căn lành có ba: Không tham, không sân, không si. Tư lương: bỏ tất cả việc tu từ, quán pháp. Phương tiện: bỏ địa phàm phu, không thích nghe địa Thanh văn, Bích-chi-phật, tiến nhập địa Bồ-tát. Trí: trí biết bỏ pháp ác, biết tu pháp lành, biết hồi hướng Bồ-đề. Bồ-tát an trụ nơi chánh hạnh như thế là giải thoát.

Căn lành là phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tư lương: Cầu tất cả pháp lành. Phương tiện: Không quên việc lành đã làm chưa làm. Trí: Biết tâm như huyễn hóa. Hiểu rõ các pháp là giải thoát.

Căn lành là thuần tịnh. Tư lương: Phát khởi. Phương tiện: Tâm sâu xa. Trí: Không giữ, không động. Giải thoát: Hành các pháp như thế.

Căn lành: Mong mỗi pháp lành. Tư lương: Thăng tiến. Phương tiện: An trụ không phóng túng. Trí: Không chấp trước. Giải thoát: Hành các pháp đó.

Căn lành: Tin đúng. Tư lương: Không bỏ bản nguyện. Phương tiện: Không bỏ niệ m định. Trí: Tuệ. Giải thoát: An trụ các hạnh đó.

Căn lành: Làm vui lòng các Thiện tri thức. Tư lương: Cúng vật cần dùng, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tạo lợi ích. Phương tiện: Xem Thiện tri thức như Phật. Trí: Biết hỏi pháp đúng thời, an trụ các hạnh đó là giải thoát.

Căn lành: Tùy thừa nghe pháp. Tư lương: Thọ trì không quên. Phương tiện: Quán sát pháp đã nghe. Trí: Hành đúng pháp, an trụ hạnh đó là giải thoát.

Căn lành: Vui gặp Phật. Tư lương: Bảo hộ các pháp Ba-la-mật, nhiếp pháp, trợ đạo. Phương tiện: Đạt từng địa. Trí đạt pháp Nhẫn vô sinh, an trụ như thế là giải thoát.

Phạm thiên bạch Phật:

–Hy hữu thay Thế Tôn! Như Lai dùng bốn nghĩa tóm thâu tất cả hạnh của Bồ-tát. Thế Tôn! Muốn tìm hiểu pháp Phật nên tìm từ đó.

Khi ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng nói với Phạm thiên:

–Một câu cũng tóm thâu hết pháp Phật. Một câu đó là lìa dục. Vì sao? Vì pháp Phật là lìa dục. Tất cả pháp đều thế. Phạm thiên lại có một câu: Không. Pháp Phật như hư không, các pháp đều thế. Lại có một câu: Không tướng, không nguyện, không tạo tác, không sinh khởi, như như, tánh pháp, chân thật, trừ, diệt, Niết-bàn, tóm thâu tất cả pháp Phật. Vì pháp Phật là Niết-bàn, các pháp khác cũng vậy. Phạm thiên! Đó là một câu tóm thâu tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì câu không phải

câu. Pháp Phật không phải câu, giả gọi là câu.

Phạm thiên! Dục là lia dục. Vì sao? Vì tánh lia dục là dục. Pháp Phật cùng tánh đó. Sân là lia sân. Vì sao? Vì tánh lia sân là sân. Si lia si. Vì sao? Tánh lia si là si. Pháp Phật cùng tánh đó, chấp thân là thực tế. Vì sao? Vì tánh của thật tế là Pháp thân. Pháp Phật cùng tánh đó. Khổ nào là lia khổ nào. Vì sao? Tánh lia khổ nào là khổ nào. Pháp Phật cùng tánh đó. Sắc là hư không. Vì sao? Tánh của hư không là sắc. Tánh pháp Phật là vậy. Thọ tưởng hành thức không tạo tác. Vì sao? Vì tánh không tạo tác là thức. Tánh pháp Phật cũng thế. Nước, lửa, gió là pháp giới. Vì sao? Tánh của pháp giới là gió. Tánh pháp Phật là vậy. Mắt là Niết-bàn. Vì sao? Vì tánh của Niết-bàn là mắt. Pháp Phật cùng tánh đó. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Niết-bàn. Vì sao? Vì tánh Niết-bàn là ý. Pháp Phật cùng tánh đó.

Phạm thiên! Đó là một câu tóm thâu tất cả pháp Phật. Bồ-tát nhập trí, thấy pháp Phật nhập vào một câu. Phạm thiên! Như biển lớn đón nhận tất cả các dòng nước. Cũng thế, trong mỗi câu đều tóm thâu tất cả pháp Phật. Như hư không dung nạp hết thủy hình sắc, cũng thế mỗi câu đều tóm thâu tất cả pháp Phật. Tất cả pháp Phật thâu giữ không thâu giữ, nói không nói, không thêm bớt, rốt ráo lia tướng. Phạm thiên! Như nhà toán thuật tính toán mọi số, tất cả đều nằm trong các số, song trong các số không có sự tính đếm, trong sự tính đếm không có các số. Vì sao? Vì không tương ứng, xa lia, trong mỗi câu giả gọi là các số. Tất cả pháp Phật đều nhập trong một câu, nhưng pháp Phật không thể tính đếm, không tương ứng, xa lia.

Phạm thiên! Danh số pháp Phật là danh số các pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp là pháp Phật. Pháp này không phải pháp, không phải phi pháp, tự tánh là không, xa lia, không tánh, hư không. Tánh hư không là tánh các pháp. Tánh pháp không phải là tướng sinh diệt, không phải có nơi, không nơi. Vì thế các pháp được gọi là không tướng, không phi tướng.

Lúc giảng nói pháp này, có một vạn hai ngàn Phạm thiên phát tâm Bồ-đề vô thượng, năm ngàn Phạm thiên đã từng trồng căn lành, đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi đó, Bồ-tát Bảo Thủ hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hy hữu thay! Thiện nam! Tất cả các pháp và pháp của Như Lai đều sâu xa khó lường, không thể nghĩ bàn.

Thiện nam! Những gì là căn bản của pháp Phật?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

– Tâm Bồ-đề là căn bản của pháp Phật, vì tất cả đều trụ trong tâm Bồ-đề nên được phát triển.

Bồ-tát Bảo Thủ hỏi:

– Pháp nào thâm gồm Bồ-đề để không quên mất để sớm đạt địa không thoái chuyển?

Đáp:

– Có hai pháp thâm tóm tâm Bồ-đề: Thuần tịnh và cứu cánh.

Hỏi:

– Hai pháp này thuộc pháp nào?

– Hai pháp này thuộc bốn pháp: Thuần tịnh là không dối trá, không cong queo, cứu cánh thuộc vô ngã và tiến tu.

Hỏi:

– Bốn pháp đó thuộc pháp nào?

– Bốn pháp đó thuộc tám pháp: Không dối trá thuộc không do dự, thể chân tịnh, không quanh co thuộc chánh trực, chánh trụ; vô ngã là không thoái lui, tiến tới; tiến tu thuộc công đức và trí.

Hỏi:

– Tám pháp này thuộc pháp nào?

Thuộc mười sáu pháp: không do dự thuộc đại Từ, đại Bi; thể chân tịnh thuộc điều phục thân, tâm; chánh trực thuộc nhẫn nhục, nhu thuận chánh trụ thuộc về không kiêu mạn, không trở ngại. Không thoái chuyển thuộc về kiên cố và oai lực. Tiến tới thuộc nghiệp và chánh hạnh; công đức thuộc vừa phát khởi và rốt ráo không bỏ, trí thuộc cầu học rộng và tư duy pháp.

– Mười sáu pháp này thuộc pháp nào?

– Thuộc ba mươi hai pháp: Đại Từ thuộc tâm không ngại và tâm bình đẳng với chúng sinh; đại Bi thuộc không chán ghét và luôn ban cho chúng sinh; điều phục thân thuộc không nhiễu loạn, không tổn hại; Điều phục tâm thuộc tâm định và tịch tĩnh; nhẫn nhục thuộc học chánh pháp và tùy thuận thực hành; nhu thuận thuộc hổ thẹn; không kiêu mạn thuộc khiêm nhường, lễ kính; không trở ngại thuộc không nhớ ố và không bức bách; kiên cố thuộc không phạm luật và thành tựu bản nguyện; oai lực thuộc trụ ý chánh và không dao động; làm mọi việc thuộc giảng thuyết và thực hành; chánh hạnh thuộc chánh phát và chánh tiến; vừa phát thuộc tất thắng và không thoái lui; không

bỏ thuộc thích thù thắng và cầu tiến; cầu học rộng thuộc gần gũi và làm vui Thiện tri thức; tư duy pháp thuộc trí tuệ và khéo quán sát.

–Ba mươi hai pháp này thuộc pháp nào?

–Thuộc sáu mươi bốn pháp: Tâm không ngại thuộc bảo vệ mình người; tâm bình đẳng với chúng sinh thuộc không sai khác và một vị; không chán ghét thuộc quán như mộng và hiểu biết sinh tử như huyễn; luôn ban cho thuộc thần túc và phương tiện; không não loạn thuộc xấu hổ và tin nghiệp báo; không tổn hại thuộc ít muốn, biết đủ; định thuộc không phiền não, không tán loạn; tịch tĩnh thuộc trừ ngã và sở hữu ngã; thọ chánh giáo thuộc cầu pháp và mong pháp; thuận hành thuộc kính trọng và bình đẳng không mỗi một; Hổ thuộc đoạn trừ bên trong và không khởi bên ngoài; Thẹn thuộc tin thích trí Phật, không làm ác dù không ai biết; khiêm nhường thuộc không kiêu mạn, hạ mình; lễ kính thuộc thân đoan nghiêm, tâm ngay thật; không ô uế thuộc tịch tĩnh và tu trí tuệ; không cưỡng bức thuộc không thô bạo, không hai lời; không phạm luật không bỏ tâm Bồ-đề, niêm đạo tràng; thành tựu bản nguyện thuộc bỏ việc ma, đủ thần lực Phật; trụ ý chánh thuộc không thô tháo, không động loạn; không dao động thuộc núi đá, không thể di dời; giảng thuyết thuộc làm lành, không tổn não; thực hành thuộc không hư dối, hướng đến chánh pháp; chánh phát thuộc trừ hai chấp, quán nhân duyên sâu xa; chánh tiến thuộc thiện xảo và phương tiện; tất thắng thuộc không lười biếng, dũng mãnh; không thoái lui là thuộc mong mỗi và tiến lên; thích thù thắng thuộc gặp Phật, nghe pháp; cầu tiến thuộc trừ tội lỗi và đạt công đức các địa; gần gũi Thiện tri thức thuộc không ganh ghét, tin thích; làm vui Thiện tri thức kính thuận và không trái lời; trí tuệ thuộc quán vô thường và vô ngã; khéo quán thuộc tu không tương và không chấp Niết-bàn. Sáu mươi bốn pháp này thuộc pháp nào? Thuộc một trăm hai mươi tám pháp: Bảo vệ mình thuộc đoạn ác, làm lành; bảo vệ người thuộc nhẫn nhục, nhu thuận; không sai khác thuộc tâm như nước, như gió; một vị thuộc quán pháp giới và như như; như mộng thuộc không di chuyển, không chân thật; như huyễn thuộc thị hiện tùy cơ, không tự tánh; thần thông thuộc nghĩa, trí tối thắng; phương tiện thuộc đại Bi và Bát-nhã ba-la-mật, xấu hổ thuộc không giấu lỗi, hối lỗi; tin nghiệp báo thuộc không phóng túng, sợ cõi ác; ít muốn thuộc thanh tịnh cõi hữu hạn, trừ ước đời trước, biết đủ thuộc dễ nuôi dạy; không phiền não thuộc cứu cánh, rốt ráo; không tán loạn thuộc đạt nhẫn và địa không thoái chuyển; trừ

chấp ngã thuộc không chấp thân mình và thọ mạng; trừ sở hữu ngã thuộc không, không si; cầu pháp thuộc trí và đoạn; mong pháp thuộc không tham năm dục và trừ phiền não; kính trọng tôn như Phật, luôn cứu giúp; không mỗi một thuộc thân nhẹ nhàng, ít ngủ; trừ tâm bên trong thuộc thân và thọ niệm xứ; không hành bên ngoài thuộc tâm và pháp niệm xứ; tin thích trí Phật thuộc kính trọng và thanh tịnh lòng tin; không làm ác dù không ai thấy thuộc tự chứng biết và Thiên thần chứng biết; không kiêu mạn thuộc chẳng tự khen mình chê người; hạ mình thuộc không khen suông, không khoe đức mình; thân đoạn nghiêm thuộc không tạo ba nghiệp ác, không phạm giới cấm; tâm ngay thật thuộc tự răn mình, không nói dối người; tịnh định thuộc tịnh tâm và diệt phiền não; tu trí tuệ thuộc phân biệt pháp, biết không ngã; không thô bạo thuộc luôn làm việc lợi ích, tùy thuận nhẫn nhục; không hai lời thuộc hòa thuận với bà con, giúp người hòa hợp; không bỏ tâm Bồ-đề thuộc vì chúng sinh và trí Phật; niệm đạo tràng thuộc diệt quân ma, thành Chánh giác; bỏ việc ma thuộc quán đúng và không bỏ chí Bồ-đề; được thần lực Phật thuộc hạnh kiên cố và thuần tịnh; không thô tháo thuộc giữ các căn, không bỏ cảnh giới; không dao động thuộc quán khổ, quán không; như núi đá thuộc không cao thấp; không thể di dời thuộc đoạn ái, trừ sân; làm lành làm bằng trí, bỏ việc ma; không nhiệt não thuộc tịnh giới, định; không hư dối thuộc lời thành thật, không quên quả báo; không bỏ nơi về thuộc thành tựu hạnh Hiền sĩ, không nhu nhược; trừ hai chấp thuộc quán không sinh, không hoại; quán nhân duyên sâu xa thuộc quán nhân quán duyên; thiện xảo thuộc không tranh chấp, không kiêu mạn; phương tiện thuộc phương tiện xa lìa và không sinh; không lười biếng thuộc lực thân và tâm; dũng mãnh thuộc tâm thắng tiến, trừ oán thù; mong mỗi thuộc không cầu lợi dưỡng, không tiếc thân mạng; tăng tiến thuộc không ngu si, không thoái lui; gặp Như Lai thuộc niệm Phật và làm thanh tịnh lòng tin; nghe pháp thuộc thích đến giảng đường, thích học hỏi; trừ lỗi các địa thuộc không tán loạn, xa lánh kẻ ác; đạt công đức các địa thuộc hồi hướng phương tiện, không bỏ bản hạnh; không ghen ghét thuộc cho tất cả, cho tùy thích; tin thích thuộc hạnh không ô uế, tâm không nhớ; kính thuận thuộc biết sự thích nghi của thế gian, tùy thuận hành; không trái lời dạy thuộc trừ pháp nhớ, tịnh chánh hạnh; quán vô thường thuộc quán sự chuyển động và sự hư hoại; quán vô ngã thuộc không thấy người làm, người nhận; tu vô tướng thuộc không duyên cảnh giới; trừ giác quán; không chấp Niết-bàn thuộc trừ vô

minh, đoạn ái chấp.

Nghe pháp đó, Bồ-tát Bảo Thủ vui mừng khôn tả, thưa với Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Hy hữu thay! Đại sĩ! Ông sớm thành tựu biện tài nhanh nhẹn và khéo léo, tùy hỏi đáp tất cả. Theo sự hiểu biết về nghĩa văn của ông thì dù một kiếp hay hơn thế vẫn không thể nói hết, không thể đoạn trừ.

Lúc đó, Phật bảo Bảo Thủ:

–Dù chỉ là một nghĩa, Bồ-tát Hư Không Tạng đã thành tựu biện tài không thể nghĩ bàn như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Bảo Thủ đưa tay che kín giảng đường Diệu bảo trang nghiêm. Từ trong tay, rải vô số hoa hương anh lạc, hương bột, hương xoa, y phục, cờ, phướn, lọng cúng dường Phật và Bồ-tát Hư Không Tạng. Trong hư không tự nhiên vang ra trăm ngàn tiếng nhạc, và có tiếng kệ khen Phật:

*Giữ đức mở đức đủ trăm đức
Điều phục tâm ý không dao động
Hàng phục trời, người, hiền sĩ, tăng
Đầy đủ mười Lực vang mười phương.
Thành tựu oai đức Đấng Tự Tại
Thâu phục lo sợ, trừ si ám
Độ thoát trời người kẻ phiêu bạt
Lấp chặt đường ác đượ thanh tịnh.
Âm thanh vi diệu khéo thuyết giảng
Tiếng nói diêm tịnh không sai lầm
Ba cõi không bằng, không ba cấu
Thuyết giảng ban vui cho tất cả.
Ý niệm kiên cố thích tịch tĩnh
Tối thắng hàng phục mọi oai lực
Đoạn trừ hư dối đạt cam lồ
Không vướng lụy trần chúng kính ngưỡng.
Thế Tôn an trụ trong đại chúng
Hóa độ vô lượng chúng mười phương
Tùy thuận tất cả hạnh chúng sinh
Con cũng vui thích tu hạnh này.
Mặt trời chiếu soi lưu chuyển mãi*

*Làm cho muôn hoa đều nở rộ
Trí Phật soi sáng lưu chuyển mãi
Cũng thế đệ tử được tỏ ngộ.
Như gió không ngừng, núi chẳng lay
Thanh tịnh hư không, sáng mặt trời
Phật phóng ánh sáng mưa cam lồ
Con xin lạy Phật và đại chúng.
Nước biển ngàn cỗi có thể lường
Hư không mười phương còn đếm được
Tâm tánh chúng sinh có thể sánh
Công đức của Phật không thể bàn.*

